

**UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 100 /STC-HCSN

Bắc Giang, ngày 20 tháng 01 năm 2016

V/v: tham gia ý kiến vào dự thảo
Thông tư.

Kính gửi: - Sở, Ban ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Chi Cục hải quan Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

Thực hiện Công văn số 103/UBND-KT ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Thông tư.

Sở Tài chính đề nghị các Sở, Ban ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh; Cục thuế Bắc Giang; Chi Cục hải quan Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có ý kiến tham gia vào dự thảo Thông tư của Bộ Nội vụ Ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ, chứng khoán.

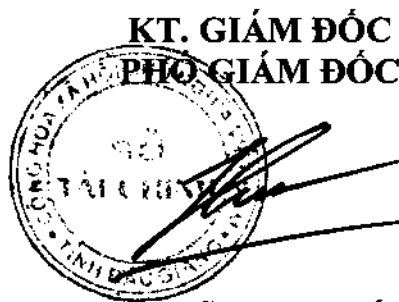
Các ý kiến tham gia gửi về Sở Tài chính (bằng văn bản) và gửi file mềm theo địa chỉ mail: hantthanh_stc@bacgiang.gov.vn trước ngày 25/01/2016.

Vậy, Sở Tài chính đề nghị các Sở, Ban ngành, Cục Thuế tỉnh; Chi Cục hải quan Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Lưu: VT, TC-HCSN;
- * Bản điện tử:
- GD, PGD (đ/c Hiếu).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Hiếu

BỘ NỘI VỤ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2016/TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ, chứng khoán

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Công văn số /BTC-TCCB ngày tháng năm 2015 về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ và chứng khoán;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công chức, viên chức,

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ, chứng khoán.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ và chứng khoán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công chức làm công tác kế toán trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.
2. Công chức làm công tác thuế tại các tổ chức, đơn vị thuộc Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính.

3. Công chức làm công tác hải quan tại các tổ chức, đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính.

4. Công chức làm công tác dự trữ quốc gia tại các tổ chức, đơn vị thuộc Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Bộ Tài chính.

5. Công chức làm công tác quản lý, giám sát thị trường chứng khoán tại các tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 3. Các chức danh và mã ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ và chứng khoán

1. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành kế toán, bao gồm:

a) Kế toán viên cao cấp	Mã số ngạch:	06.029
b) Kế toán viên chính	Mã số ngạch:	06.030
c) Kế toán viên	Mã số ngạch:	06.031
d) Kế toán viên trung cấp	Mã số ngạch	06.032
đ) Kế toán viên sơ cấp	Mã số ngạch	06.033

2. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành thuế, bao gồm:

a) Kiểm tra viên cao cấp thuế	Mã số ngạch	06.036
b) Kiểm tra viên chính thuế	Mã số ngạch	06.037
c) Kiểm tra viên thuế	Mã số ngạch:	06.038
d) Kiểm tra viên trung cấp thuế	Mã số ngạch:	06.039
đ) Nhân viên thuế	Mã số ngạch:	06.040

3. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành hải quan, bao gồm:

a) Kiểm tra viên cao cấp hải quan	Mã số ngạch	08.049
b) Kiểm tra viên chính hải quan	Mã số ngạch	08.050
c) Kiểm tra viên hải quan	Mã số ngạch:	08.051
d) Kiểm tra viên trung cấp hải quan	Mã số ngạch:	08.052
đ) Nhân viên hải quan	Mã số ngạch:	08.053

4. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành dự trữ quốc gia, bao gồm:

a) Kiểm tra viên chính dự trữ	Mã số ngạch:	
b) Kiểm tra viên dự trữ	Mã số ngạch:	
c) Kỹ thuật viên chính bảo quản	Mã số ngạch:	19.220
d) Kỹ thuật viên bảo quản	Mã số ngạch:	19.221
đ) Kỹ thuật viên trung cấp bảo quản	Mã số ngạch:	19.222

e) Thủ kho bảo quản	Mã số ngạch:	19.223
g) Nhân viên bảo vệ kho dự trữ	Mã số ngạch	19.224

5. Chức danh và mã số ngạch công chức chuyên ngành chứng khoán, bao gồm:

a) Giám sát viên cao cấp thị trường chứng khoán	Mã số ngạch:
b) Giám sát viên chính thị trường chứng khoán	Mã số ngạch:
c) Giám sát viên thị trường chứng khoán	Mã số ngạch:

Điều 4. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất chính trị

1. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng; trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân;

2. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công chức theo quy định của pháp luật; nghiêm túc chấp hành sự phân công nhiệm vụ của cấp trên; tuân thủ pháp luật, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, trật tự hành chính; gương mẫu thực hiện nội quy, quy chế của cơ quan;

3. Tận tụy, trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan, công tâm và gương mẫu trong thực thi công vụ; lịch sự, văn hóa và chuẩn mực trong giao tiếp, phục vụ nhân dân;

4. Có lối sống và sinh hoạt lành mạnh, khiêm tốn, đoàn kết; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; không lợi dụng việc công để mưu cầu lợi ích cá nhân; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

5. Thường xuyên có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất, trình độ, năng lực.

Chương II

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN

Điều 5. Kế toán viên cao cấp (mã số 06.029)

1. Chức trách

Kế toán viên cao cấp là công chức chuyên môn nghiệp vụ cao nhất trong bộ máy hành chính nhà nước thực hiện chức năng quản lý về công tác kế toán, giúp

lãnh đạo Bộ (ngành), hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo, điều hành và quản lý tổ chức thực hiện hệ thống nghiệp vụ kế toán.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về tài chính, kế toán; các đề án chiến lược phát triển công tác kế toán đối với ngành, lĩnh vực;

b) Chủ trì tổ chức việc phối hợp nghiệp vụ của lĩnh vực liên quan giữa các cấp quản lý cùng lĩnh vực của các ngành đảm bảo tính thống nhất đồng bộ trong toàn quốc;

c) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng tài liệu, giáo trình và hướng dẫn đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức làm công tác kế toán của Bộ, ngành;

d) Chủ trì tổ chức, chỉ đạo, thực hiện công tác kế toán, kiểm tra nghiệp vụ kế toán và xây dựng các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về kế toán hiện hành nhằm tổ chức quản lý chặt chẽ có hiệu lực và hiệu quả hơn;

đ) Chủ trì lập dự toán và xây dựng định mức chi tiêu. Kiểm tra việc thực hiện dự toán, định mức chi tiêu, sử dụng tài sản, kinh phí;

e) Chủ trì tổ chức tổng hợp, đánh giá, phân tích tài chính, rút kinh nghiệm và đề xuất phương án điều chỉnh, sửa đổi hoặc bổ sung về quy trình nghiệp vụ, chế độ kế toán áp dụng, tổng hợp báo cáo lên cấp trên;

g) Thực hiện việc kiểm tra nội bộ đối với các đơn vị trực thuộc, đề xuất các biện pháp xử lý vi phạm và các biện pháp chấn chỉnh hoàn thiện tổ chức công tác và tổ chức bộ máy kế toán của các đơn vị.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nắm chắc quản lý hành chính, cải cách hành chính và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, của ngành, lĩnh vực; công tác tổ chức bộ máy của đơn vị và các quy định của pháp luật về kế toán;

b) Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các chế độ tài chính kế toán của nhà nước và các chế độ kế toán cụ thể áp dụng trong các ngành, lĩnh vực;

c) Am hiểu rộng về tình hình phát triển kinh tế xã hội của lĩnh vực quản lý tài chính ở trong nước và quốc tế;

d) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, đề án liên quan đến công tác kế toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

đ) Có chuyên môn sâu, rộng về lý luận và thực tiễn về nghiệp vụ kế toán, phương pháp và xu hướng phát triển của công tác kế toán, kiểm toán trong nước và quốc tế;

e) Nắm vững luật pháp kinh tế, tài chính, các chính sách chế độ tài chính tín dụng của Nhà nước và luật pháp quốc tế liên quan đến công tác kế toán của ngành, lĩnh vực;

g) Có năng lực nghiên cứu khoa học và tổ chức chỉ đạo ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hiện đại để cải tiến hệ thống quản lý nghiệp vụ kế toán;

h) Đối với công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên cao cấp thì phải là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu xây dựng ít nhất 02 (hai) văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán được nghiệm thu đạt yêu cầu; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, chương trình chuyên ngành được cấp có thẩm quyền đánh giá đạt yêu cầu;

i) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác kế toán. Công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên cao cấp phải có thời gian giữ ngạch kế toán viên chính hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kế toán viên chính tối thiểu 2 năm (24 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành tài chính- ngân hàng, kế toán - kiểm toán;

b) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kế toán viên cao cấp;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 6. Kế toán viên chính (mã số 06.030)

1. Chức trách

Kế toán viên chính là công chức chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy hành chính nhà nước thực hiện chức năng quản lý về công tác kế toán, giúp lãnh đạo đơn vị chỉ đạo, điều hành và quản lý nghiệp vụ kế toán ở đơn vị hoặc tổ chức thực hiện công tác kế toán tại đơn vị.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về kế toán; xét duyệt hệ thống kế toán và chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị, ngành hoặc lĩnh vực kế toán nhà nước;

b) Chủ trì lập các dự toán và tham gia xây dựng các định mức chi tiêu. Kiểm tra việc thực hiện dự toán, định mức chi tiêu, sử dụng tài sản, kinh phí;

c) Tổ chức phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng tài sản, kinh phí và đề xuất biện pháp quản lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn vốn hoặc kinh phí;

d) Tổ chức tổng hợp, đánh giá, phân tích tài chính, rút kinh nghiệm và đề xuất phương án điều chỉnh, sửa đổi hoặc bổ sung về quy trình nghiệp vụ, chế độ kế toán áp dụng, tổng hợp báo cáo lên cấp trên;

đ) Tổ chức, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra công tác kế toán và đề xuất các biện pháp chỉ đạo, chấn chỉnh, nhằm đảm bảo việc quản lý thống nhất công tác kế toán của đơn vị, ngành, lĩnh vực;

e) Nghiên cứu, hướng dẫn thực hiện công tác kế toán phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế và yêu cầu quản lý của địa phương, đơn vị, ngành, lĩnh vực;

g) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng tài liệu, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế toán viên;

h) Lập báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về sự chính xác trung thực của các số liệu báo cáo; thực hiện, theo dõi và kiểm tra về nghiệp vụ kế toán đối với các kế toán viên thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành và các bộ phận liên quan;

i) Nghiên cứu, khảo sát và xây dựng các chế độ tài chính, thống kê, kế toán và quy chế, quy trình nghiệp vụ, các chuẩn mực kế toán trong nước và quốc tế;

k) Đề xuất ý kiến với lãnh đạo hoặc cấp trên giải quyết về những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong thực hiện quy chế quản lý, cải tiến nội dung và phương pháp quản lý, quy trình nghiệp vụ kế toán.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nắm chắc quản lý hành chính, cải cách hành chính và phương hướng chủ trương, chính sách của ngành, của đơn vị về lĩnh vực nghiệp vụ kế toán; công tác kế toán của đơn vị và các quy định của pháp luật về kế toán;

b) Hiểu rõ và tuân thủ Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê và thông tin kinh tế có liên quan;

c) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng hoàn thiện thể chế; chủ trì hoặc tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện trong lĩnh vực kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;

d) Nắm được hệ thống kế toán ngành, lĩnh vực khác; quy trình tổ chức công tác kế toán; có khả năng quản lý và tổ chức điều hành tốt công tác kế toán ở đơn vị, ngành, lĩnh vực; Nắm được những vấn đề cơ bản về khoa học quản lý, am hiểu thực tiễn sản xuất, dịch vụ, kinh doanh, tình hình kinh tế - xã hội, hoạt động quản lý đối với lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

đ) Tổ chức triển khai các quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị, ngành, lĩnh vực;

e) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt kiến thức kinh tế, phân tích tài chính và tổ chức điều hành được ứng dụng các kỹ năng sử dụng phương tiện kỹ thuật hiện đại để trao đổi và sử dụng các tài liệu kế toán, thông tin kế toán, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử;

g) Đối với công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên chính thì phải là người đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc là người đã chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành liên quan đến lĩnh vực tài chính-kế toán được nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

h) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác kế toán. Công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên chính phải có thời gian giữ ngạch kế toán viên hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kế toán viên tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành tài chính- ngân hàng, kế toán - kiểm toán;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kế toán viên chính;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 7. Kế toán viên (mã số 06.031)

1. Chức trách

Kế toán viên là công chức chuyên môn nghiệp vụ làm việc tại các đơn vị kế toán trong bộ máy hành chính nhà nước, thực hiện các công việc của một hoặc nhiều phân hành hoặc tổ chức thực hiện công tác kế toán ở đơn vị.

2. Nhiệm vụ

a) Ghi chép, tính toán, tổng hợp và phân tích số liệu kế toán phục vụ cho các phân hành, phần việc phụ trách; cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành tại đơn vị;

b) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán, cung cấp thông tin thuộc phần hành, phần việc được phân công hoặc phụ trách;

c) Lập, duyệt báo cáo nghiệp vụ hàng ngày hoặc định kỳ thuộc phần việc kế toán mình thực hiện và lập báo cáo kế toán định kỳ được kế toán trưởng phân công. Chịu trách nhiệm trước phụ trách phân hành và kế toán trưởng về sự chính xác, trung thực của các số liệu báo cáo và chuyên môn nghiệp vụ của mình;

d) Cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu kế toán thuộc phần việc, phần hành của mình cho bộ phận liên quan;

đ) Chuẩn bị các số liệu phục vụ kiểm kê, tham gia kiểm kê tài sản, hướng dẫn việc ghi chép các biểu mẫu kiểm kê và tính toán xác định kết quả kiểm kê tài sản thuộc phạm vi phụ trách;

e) Triển khai thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán theo quy định;

g) Chủ trì lập các dự toán và tham gia xây dựng các định mức chi tiêu. Kiểm tra việc thực hiện dự toán, định mức chi tiêu, sử dụng tài sản, kinh phí;

h) Tổ chức phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng tài sản, kinh phí thuộc phần hành, phần việc phụ trách và đề xuất biện pháp quản lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn vốn hoặc kinh phí;

i) Hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ kế toán đối với các kế toán viên cấp dưới thuộc phân hành và các bộ phận liên quan. Chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của kế toán viên cấp trên;

k) Nghiên cứu, khảo sát và xây dựng các chế độ tài chính, thống kê, kế toán và quy chế, quy trình chuyên môn nghiệp vụ, các chuẩn mực kế toán;

l) Tham gia nghiên cứu xây dựng các văn bản Quy phạm pháp luật về kế toán; các văn bản pháp luật hướng dẫn về chế độ nghiệp vụ kế toán;

m) Đề xuất ý kiến với lãnh đạo, đơn vị kế toán cấp trên giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực hiện quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ kế toán.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững và tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê, các chuẩn mực kế toán và thông tin kinh tế có liên quan;

b) Nắm được các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;

c) Biết phương pháp nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung; sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, tổng kết cải tiến nghiệp vụ quản lý nắm được xu thế phát triển nghiệp vụ trong nước và quốc tế;

d) Biết tổ chức triển khai các hoạt động về quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị;

đ) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt và kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật hiện đại để trao đổi và sử dụng các tài liệu kế toán, thông tin kế toán, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử;

e) Công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên phải có thời gian giữ ngạch kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 3 năm (36 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kế toán viên trung cấp tối thiểu 01 năm (12 tháng). Trường hợp đang giữ ngạch kế toán viên sơ cấp thì thời gian giữ ngạch kế toán viên sơ cấp hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kế toán viên sơ cấp tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành tài chính- ngân hàng, kế toán - kiểm toán;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kế toán viên;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 8. Kế toán viên trung cấp (mã số 06.032)

1. Chức trách

Kế toán viên trung cấp là công chức chuyên môn nghiệp vụ làm việc tại các đơn vị kế toán cấp cơ sở trong bộ máy hành chính nhà nước, thực hiện các công việc kế toán ở đơn vị có khối lượng kế toán không lớn hoặc một phân hành kế toán ở đơn vị kế toán.

2. Nhiệm vụ

a) Tuân thủ các yêu cầu, nguyên tắc, quy định về kế toán trong văn bản pháp luật về kế toán;

b) Thu thập, kiểm tra, xử lý chứng từ, phân loại chứng từ và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thuộc phân hành kế toán được phân công phụ trách;

c) Mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán thuộc phân hành, phần việc được phân công phụ trách;

d) Lập báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị và báo cáo khác hàng ngày hoặc định kỳ theo sự phân công từng phần việc kế toán, chịu trách nhiệm trước người phụ trách phần việc về sự chính xác, trung thực của các số liệu báo cáo;

đ) Cung cấp tài liệu, số liệu kế toán thuộc phần việc, phân hành của mình phụ trách cho bộ phận liên quan, thực hiện luân chuyển chứng từ theo quy định của pháp luật;

e) Triển khai thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán theo quy định;

g) Chuẩn bị các số liệu phục vụ kiểm kê, tham gia kiểm kê tài sản, hướng dẫn việc ghi chép các biểu mẫu kiểm kê và tính toán xác định kết quả kiểm kê tài sản thuộc phạm vi phụ trách;

h) Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng tài sản, kinh phí thuộc phân hành, phần việc phụ trách;

i) Hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ kế toán đối với các kế toán viên sơ cấp thuộc phân hành. Chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của kế toán viên cấp trên.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được các chế độ, quy định kế toán ngành, lĩnh vực; các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán áp dụng trong đơn vị, trong ngành;

b) Hiểu rõ và tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê, các chuẩn mực kế toán và thông tin kinh tế có liên quan;

c) Nắm được những nguyên tắc cơ bản về quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ trong đơn vị;

d) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt các kỹ năng cần thiết như kỹ năng sử dụng máy tính, các công cụ hỗ trợ, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử; có khả năng tham gia triển khai theo đúng chỉ đạo của cấp trên;

đ) Công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên trung cấp phải có thời gian giữ ngạch kế toán viên sơ cấp hoặc tương đương từ đủ 3 năm (36 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kế toán viên sơ cấp tối thiểu 1 năm (12 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành tài chính - ngân hàng, kế toán - kiểm toán;

- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kế toán viên trung cấp;
- c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 9. Kế toán viên sơ cấp (mã số 06.033)

1. Chức trách

Kế toán viên sơ cấp là công chức chuyên môn nghiệp vụ làm việc tại các đơn vị kế toán cấp cơ sở trong bộ máy hành chính nhà nước, thực hiện các công việc kế toán thuộc phần việc kế toán được phân công.

2. Nhiệm vụ

- a) Tuân thủ các yêu cầu nguyên tắc quy định về kế toán trong văn bản pháp luật về kế toán;
- b) Lập chứng từ kế toán thuộc phần việc kế toán được phân công đúng quy định pháp luật về kế toán;
- c) Kiểm tra, xử lý các nội dung của chứng từ kế toán thuộc phần hành của mình phụ trách; mở sổ, ghi sổ và khóa sổ kế toán;
- d) Lập báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị và báo cáo khác hàng ngày hoặc định kỳ theo sự phân công từng phần việc kế toán, chịu trách nhiệm trước người phụ trách phần việc về sự chính xác, trung thực của các số liệu báo cáo;
- đ) Chuyển giao các chứng từ kế toán cho các bộ phận liên quan theo phân công của kế toán trưởng, luân chuyển chứng từ theo quy định của pháp luật;
- e) Kiểm tra việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán, sổ kho của thủ kho, sổ quỹ của thủ quỹ và các sổ kế toán khác của các nhân viên phụ trách tài sản khác;
- g) Tham gia kiểm tra kế toán, kiểm kê, đánh giá tài sản, giám sát việc giữ gìn, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán và sử dụng tài sản thuộc phạm vi phụ trách.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- a) Nắm được các nguyên tắc quản lý về hành chính và cải cách hành chính của ngành, của đơn vị; nguyên tắc về tổ chức công tác kế toán và công tác tổ chức bộ máy kế toán;

b) Nắm được nguyên tắc, quy định về chi tiêu tài chính, giao nhận, xuất, nhập, việc giữ gìn, bảo quản, lưu trữ hồ sơ tài liệu kế toán và sử dụng tài sản; các chế độ trách nhiệm vật chất thuộc phần hành;

c) Nắm chắc chế độ ghi sổ kế toán, quy tắc và thể thức mở sổ, ghi sổ, khóa sổ kế toán theo quy định của văn bản pháp luật về kế toán;

d) Có kỹ năng sử dụng máy tính, phần mềm kế toán và các công cụ hỗ trợ.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sơ cấp kế toán và đạt yêu cầu sát hạch về nghiệp vụ kế toán;

c) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương III

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH THUẾ

Điều 10. Kiểm tra viên cao cấp thuế (mã số 06.036)

1. Chức trách

Kiểm tra viên cao cấp thuế là công chức chuyên môn nghiệp vụ cao nhất của ngành thuế, làm việc ở Tổng cục Thuế và Cục thuế, có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý thuế và trực tiếp thực hiện các phần hành nghiệp vụ thuế ở mức độ phức tạp cao.

2. Nhiệm vụ

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thuế đối với đối tượng có phức tạp về quy mô và tính chất, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực về kinh tế, xã hội, an ninh và đối ngoại;

b) Chủ trì hoặc tham gia hoặc đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các chế độ, chính sách, các quy định trong quản lý thuế;

c) Tổng hợp, phân tích, đánh giá hoạt động nghiệp vụ thuế và các hoạt động khác có liên quan đến nghiệp vụ quản lý thuế;

d) Tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ về thuế và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức ngành thuế;

đ) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về thuế; quy chế quản lý, quy trình thu thuế;

e) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng chiến lược phát triển ngành thuế, nghiên cứu đề xuất chủ trương chính sách và biện pháp quản lý thuế phù hợp với chiến lược phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế của địa phương;

g) Phân tích đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, công tác hạch toán kế toán, tình hình thực hiện kế hoạch thu nộp thuế của đối tượng nộp thuế thuộc phạm vi quản lý, dự báo tình hình phát triển nguồn thu và nợ thuế, đề xuất với cấp có thẩm quyền các biện pháp quản lý rủi ro để tăng nguồn thu cho Ngân sách nhà nước;

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác thuế, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế của quốc gia, của địa phương nơi công tác; Nắm vững chiến lược phát triển ngành Tài chính, chiến lược cải cách hành chính và hiện đại hóa của ngành;

b) Hiểu biết sâu sắc về luật quản lý thuế, pháp luật thuế, pháp luật về tài chính, kế toán và các luật pháp về hành chính có liên quan đến nhiệm vụ, chức năng quản lý thuế;

c) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, đề án trong lĩnh vực thuế;

d) Có năng lực nghiên cứu khoa học và tổ chức chỉ đạo ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hiện đại để cải tiến hệ thống quản lý nghiệp vụ thuế;

đ) Nắm và hiểu rõ về tình hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, những đặc thù về công nghệ, quy trình sản xuất, những biến động về giá cả, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, ngành hàng của đối tượng quản lý;

e) Có năng lực tổng hợp, phân tích, tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn quản lý thuế; có khả năng dự báo về tình hình nguồn thu từ thuế và nguồn thu khác thuộc đối tượng được phân công quản lý;

g) Có kỹ năng thu nhận thông tin và xử lý những thông tin nhạy cảm; kỹ năng phân tích tài chính đối với các công ty lớn và phức tạp; kỹ năng quản lý và xử lý sự xung đột; có kỹ năng soạn thảo văn bản; kỹ năng lập báo cáo, tổng kết đánh giá công việc và kỹ năng dự báo về công việc thuộc lĩnh vực quản lý;

h) Đối với công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp thuế thì phải là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu xây dựng ít nhất 02 (hai) văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh trong lĩnh vực thuế được nghiệm thu đạt yêu cầu; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, chương trình chuyên ngành được cấp có thẩm quyền đánh giá đạt yêu cầu.

i) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác thuế. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp

thuế phải có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính thuế hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính thuế tối thiểu 2 năm (24 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;
- b) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị;
- c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên cao cấp thuế;
- d) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 11. Kiểm tra viên chính thuế (mã số 06.037)

1. Chức trách

Kiểm tra viên chính thuế là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành thuế, làm việc tại các tổ chức, đơn vị thuộc ngành thuế; giúp lãnh đạo chủ trì, tổ chức thực hiện quản lý thuế hoặc trực tiếp thực hiện các phân hành của nghiệp vụ thuế theo chức năng được phân công.

2. Nhiệm vụ

- a) Tổ chức thực hiện quy trình quản lý thu; trực tiếp xử lý đối với các trường hợp có tình tiết phức tạp;
- b) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng kế hoạch thu thuế, thu nợ thuế, cưỡng chế thuế và thu khác theo chức năng phân hành công việc. Lập kế hoạch công tác tháng, quý, năm liên quan đến công việc thuộc lĩnh vực quản lý;
- c) Tổng hợp, đánh giá công tác quản lý thu đồng thời đề xuất sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý, quy trình thu phù hợp với tình hình thực tế;
- đ) Tham gia xây dựng quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ và các văn bản, quy định liên quan;
- e) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ quản lý thuế, tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức thuế;

- g) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng đề tài, đề án, dự án được ứng dụng vào công tác của ngành; chủ trì hoặc tham gia tổ chức nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực quản lý thuế;
- h) Tham gia tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo thẩm quyền và quy định hiện hành;
- i) Tổ chức kiểm tra công việc theo chức năng quản lý, theo kế hoạch công tác được giao;
- k) Quản lý hồ sơ tài liệu và cung cấp thông tin có liên quan theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn về năng lực, chuyên môn nghiệp vụ

- a) Am hiểu chính sách chế độ, tình hình kinh tế, xã hội tại địa phương đang công tác, chiến lược phát triển của ngành, chương trình cải cách hành chính của Chính phủ;
- b) Hiểu biết sâu sắc luật quản lý thuế và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến công tác quản lý thuế;
- c) Có khả năng làm việc độc lập, am hiểu tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế; am hiểu những thông tin liên quan đến quản lý thuế của các nước trong khu vực và trên thế giới;
- d) Có chuyên môn sâu về lý luận và thực tiễn nghiệp vụ thuế, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đạt hiệu quả cao; có kỹ năng soạn thảo văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thuế; kỹ năng đọc và phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp;
- đ) Có kỹ năng thu thập thông tin và xử lý thông tin theo công việc quản lý; có khả năng quản lý và tổ chức điều hành tốt công tác quản lý thuế ở đơn vị, ngành, lĩnh vực;
- e) Tổ chức hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách, các quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế;
- g) Đối với công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên chính thuế thì phải là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng 01 (một) đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực thuế được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;
- h) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác thuế. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên chính thuế phải có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên thuế hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm tra viên thuế tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên chính thuế;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 12. Kiểm tra viên thuế (mã số 06.038)

1. Chức trách

Kiểm tra viên thuế là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành thuế, làm việc tại các tổ chức, đơn vị thuộc ngành thuế; trực tiếp thực hiện phân hành công việc của nghiệp vụ quản lý thuế.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng các quy định cụ thể để triển khai nhiệm vụ quản lý thu; xây dựng kế hoạch thu thuế và thu khác, thu nợ thuế, cưỡng chế thuế và kế hoạch công tác tháng, quý, năm theo nhiệm vụ được giao;

b) Tổ chức thực hiện:

- Hướng dẫn và tiếp nhận các thủ tục đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt, hoàn thuế;

- Theo dõi, đôn đốc đối tượng nộp thuế, nộp đầy đủ kịp thời số thuế và số thu khác vào Kho bạc Nhà nước;

- Tham gia quản lý thông tin người nộp thuế theo nhiệm vụ được giao;

- Nắm rõ tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, ý thức chấp hành pháp luật thuế của đối tượng nộp thuế theo phạm vi quản lý để có biện pháp quản lý đạt hiệu quả cao;

- Phân tích đánh giá tình hình tài chính, lãi lỗ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đối tượng nộp thuế, đề xuất biện pháp quản lý và xử lý kịp thời các khoản nợ thuế;

- Đề xuất và cụ thể hóa các chính sách, pháp luật thuế cho phù hợp với tình hình quản lý của ngành và địa phương;

c) Phối hợp với các bộ phận có liên quan trong và ngoài đơn vị để thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế thuộc phạm vi quản lý;

d) Thực hiện kiểm tra công việc thuộc phần hành quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật;

đ) Chấp hành sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của công chức chuyên môn ở ngạch trên và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức chuyên môn ở ngạch dưới;

e) Quản lý hồ sơ tài liệu theo quy định của Nhà nước.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững các quy định của pháp luật, chế độ chính sách liên quan đến lĩnh vực thuế và quy trình nghiệp vụ quản lý có liên quan đến phần công việc được giao;

b) Nắm được những vấn đề cơ bản về chiến lược phát triển, chương trình cải cách hành chính của Chính phủ và ngành Thuế, các chính sách kinh tế tài chính liên quan;

c) Nắm rõ quy trình xây dựng các phương án, kế hoạch, các quyết định cụ thể và có kiến thức am hiểu trong lĩnh vực được giao; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu; sử dụng thành thạo máy vi tính, phần mềm quản lý thuế và các công cụ hỗ trợ khác.

d) Nắm vững những vấn đề cơ bản về kế toán doanh nghiệp, kế toán thuế, phân tích tài chính doanh nghiệp và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của đối tượng nộp thuế để nâng cao hiệu quả quản lý thuế;

đ) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kiến thức chuyên sâu, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đạt hiệu quả cao; có kỹ năng xây dựng kế hoạch công tác và tổ chức thực hiện công việc thuộc phần hành được giao; kỹ năng soạn thảo văn bản nghiệp vụ về thuế; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và kiểm tra công việc được giao và kỹ năng đọc, phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp;

g) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên thuế phải có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên trung cấp thuế hoặc tương đương từ đủ 3 năm (36 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm tra viên trung cấp thuế tối thiểu 1 năm (12 tháng). Trường hợp đang giữ ngạch nhân viên thuế thì thời gian giữ ngạch nhân viên thuế hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch nhân viên thuế tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên thuế;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6

bạc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 13. Kiểm tra viên trung cấp thuế (mã số 06.039)

1. Chức trách

Kiểm tra viên trung cấp thuế là công chức chuyên môn nghiệp vụ ngành thuế, làm việc ở các tổ chức, đơn vị thuộc ngành thuế; trực tiếp thực hiện một phần hành nghiệp vụ trong công tác quản lý thuế tại đơn vị.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng kế hoạch công việc tháng, quý, năm, kế hoạch thu thuế và thu khác với đối tượng nộp thuế theo phạm vi quản lý;

b) Tổ chức thực hiện:

- Hướng dẫn các thủ tục đăng ký thuế, cấp mã số thuế, khai thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt, hoàn thuế;

- Tiếp nhận tờ khai nộp thuế, kiểm tra căn cứ tính thuế, đối chiếu so sánh để có nhận xét chính thức vào tờ khai của đối tượng nộp thuế theo lĩnh vực quản lý;

- Tính thuế phải nộp, lập bộ số thuế, phát hành thông báo nộp thuế, lệnh thu thuế và thu khác. Theo dõi đôn đốc đối tượng nộp thuế nộp đúng, nộp đủ kịp thời tiền thuế vào Kho bạc Nhà nước;

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và những biến động về giá cả và tiêu thụ sản phẩm của đối tượng nộp thuế thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến việc khai thuế, nộp thuế, nợ đọng tiền thuế;

- Quản lý thông tin của người nộp thuế để sử dụng vào công việc hoặc cung cấp cho đồng nghiệp khi cần thiết;

c) Phối hợp với các bộ phận liên quan để thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đạt hiệu quả cao;

d) Kiểm tra công việc thuộc chức năng quản lý theo quy định của pháp luật thuế;

đ) Báo cáo kịp thời những diễn biến phức tạp trong công tác thu thuế, thu nợ tiền thuế và thu khác của người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý để cấp có thẩm quyền chỉ đạo, điều hành và xử lý theo pháp luật thuế;

e) Quản lý hồ sơ tài liệu thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định của Nhà nước;

g) Hướng dẫn nghiệp vụ đối với nhân viên thuế và chịu sự chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ của công chức chuyên môn ở ngạch trên.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được những nội dung cơ bản của pháp luật về thuế, chiến lược phát triển của ngành thuế, chủ trương thực hiện cải cách hành chính của Nhà nước và của ngành;

b) Nắm chắc nguyên tắc, thủ tục, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế thuộc phần việc được giao;

c) Nắm được những vấn đề cơ bản về kinh tế xã hội, những biến động về giá cả có tác động đến tình hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đối tượng quản lý thuế phạm vi quản lý được phân công;

d) Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về thuế, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý thuế đạt hiệu quả; có kỹ năng lập kế hoạch và kiểm tra; phối hợp trong công tác; đọc hiểu, soạn thảo văn bản hành chính thông thường và kỹ năng tổng hợp, phân tích đánh giá phần hành công việc được giao quản lý;

đ) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên trung cấp thuế phải đang giữ ngạch nhân viên thuế và có thời gian giữ ngạch nhân viên thuế hoặc tương đương từ đủ 3 năm (36 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch nhân viên thuế tối thiểu 1 năm (12 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên trung cấp thuế;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 14. Nhân viên thuế (mã số 06.040)

1. Chức trách

Nhân viên thuế là công chức chuyên môn nghiệp vụ ngành thuế, làm việc ở các Chi cục thuế, trực tiếp thực hiện một phần hành công việc thuộc nghiệp vụ quản lý thuế theo sự phân công của đơn vị.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng kế hoạch công việc tháng, quý, năm và kế hoạch thu thuế và thu khác của đơn vị thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ:

- Xác định các đối tượng nộp thuế thuộc phạm vi quản lý để có biện pháp quản lý phù hợp theo quy định của pháp luật thuế;

- Hướng dẫn đối tượng nộp thuế thực hiện việc đăng ký thuế, khai thuế, cấp mã số thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ thuế. Đồng thời giải thích cho đối tượng nộp thuế hiểu rõ chính sách thuế thuộc phần hành quản lý;

- Tiếp nhận tờ khai đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, kiểm tra xác định tính đúng đắn, chính xác căn cứ tính thuế để có nhận xét chính thức vào tờ khai nộp thuế của đối tượng nộp thuế;

- Tính thuế, lập sổ bộ thuế, phát hành thông báo nộp thuế, lệnh thu thuế, nộp phạt tiền thuế;

- Theo dõi đơn đốc để thu đúng, thu đủ, kịp thời số tiền thuế vào Kho bạc Nhà nước;

- Thực hiện kiểm tra về nghĩa vụ nộp thuế của đối tượng nộp thuế trong phạm vi quản lý, lập biên bản trường hợp vi phạm chính sách thuế để trình cấp có thẩm quyền xử lý;

c) Phối hợp với đồng nghiệp, cơ quan liên quan để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế;

d) Quản lý hồ sơ tài liệu thuộc phần hành quản lý theo quy định hiện hành;

đ) Chịu sự hướng dẫn quản lý về chuyên môn nghiệp vụ của công chức chuyên môn ngạch cao hơn và của cấp trên.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được tình hình kinh tế xã hội ở địa bàn thuộc phạm vi quản lý để triển khai thực hiện;

b) Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý thuế;

c) Nắm được kiến thức thuế, pháp luật thuế, pháp luật về hành chính;

d) Nắm được mục đích, nội dung, quy trình nghiệp vụ quản lý thuế áp dụng cho các đối tượng nộp thuế thuộc phạm vi quản lý;

đ) Nắm được nguyên tắc, phương pháp lập và quản lý sổ bộ thuế;

e) Có kỹ năng đọc hiểu và soạn thảo văn bản hành chính thông thường và sử dụng phần mềm máy tính quản lý thuế và các công cụ hỗ trợ khác;

g) Có kỹ năng lập kế hoạch và kiểm tra đánh giá công việc.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- a) Có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thuế theo chương trình do Tổng cục Thuế quy định và chứng chỉ bồi dưỡng về văn bản hành chính, kỹ năng soạn thảo văn bản.

Chương IV **CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN** **CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH HẢI QUAN**

Điều 15. Kiểm tra viên cao cấp hải quan (mã số 08.049)

1. Chức trách

Kiểm tra viên cao cấp hải quan là công chức chuyên môn nghiệp vụ cao nhất của ngành Hải quan, giúp lãnh đạo thực hiện chỉ đạo, tổ chức triển khai và trực tiếp thực thi pháp luật về hải quan theo quy định của Luật Hải quan với quy mô lớn, độ phức tạp cao, tiến hành trong phạm vi nhiều tỉnh hoặc toàn quốc.

2. Nhiệm vụ

- a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hải quan đối với đối tượng có phức tạp về quy mô và tính chất, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực về kinh tế, xã hội, an ninh và đối ngoại;
- b) Chủ trì, tham gia hoặc đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các chế độ, chính sách, các quy định trong quản lý nhà nước về hải quan;
- c) Tổng hợp, phân tích, đánh giá hoạt động nghiệp vụ hải quan và các hoạt động khác có liên quan đến nghiệp vụ hải quan;
- d) Chủ trì chuẩn bị nội dung tổng kết về nghiệp vụ hải quan ở trong nước và trao đổi nghiệp vụ hải quan với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có quan hệ hợp tác về hải quan với Việt Nam;
- đ) Tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ về hải quan và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức hải quan;
- e) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan; tổ chức xây dựng, bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan;
- g) Tham gia xây dựng chiến lược phát triển ngành Hải quan.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác Hải quan; nắm được chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, của ngành Tài chính;

b) Nắm vững luật pháp kinh tế, tài chính, các chính sách chế độ tài chính tín dụng của Nhà nước và luật pháp quốc tế liên quan đến nghiệp vụ hải quan;

c) Có kiến thức toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ hải quan. Có năng lực nghiên cứu chuyên sâu và tổ chức thực hiện một hoặc một số lĩnh vực nghiệp vụ hải quan;

d) Có khả năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đánh giá và dự báo tình hình về hoạt động quản lý nhà nước về hải quan, đồng thời đề xuất xây dựng, bổ sung, sửa đổi các quy chế quản lý; quy trình nghiệp vụ hải quan phù hợp với định hướng chiến lược phát triển ngành Hải quan;

đ) Hiểu biết sâu, rộng về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế; xu thế phát triển ngành, lĩnh vực hải quan;

e) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, đề án gắn với lĩnh vực hải quan để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

g) Có năng lực nghiên cứu khoa học; có năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến và nâng cao chất lượng, hiệu quả trong lĩnh vực hải quan;

h) Đối với công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp hải quan thì phải là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu xây dựng ít nhất 02 (hai) văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh trong lĩnh vực hải quan được nghiệm thu đạt yêu cầu; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, chương trình chuyên ngành được cấp có thẩm quyền đánh giá đạt yêu cầu.

i) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác hải quan. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên cao cấp hải quan phải có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính hải quan hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm tra viên chính hải quan tối thiểu 2 năm (24 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên cao cấp hải quan;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày

24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 16. Kiểm tra viên chính hải quan (mã số 08.050)

1. Chức trách

Kiểm tra viên chính hải quan là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành hải quan, giúp lãnh đạo chủ trì, tổ chức và thực thi pháp luật về hải quan theo quy định của Luật Hải quan tại các đơn vị trong ngành Hải quan.

2. Nhiệm vụ

- a) Tổ chức thực hiện quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan; trực tiếp xử lý đối với các trường hợp có tình tiết phức tạp;
- b) Tổng hợp, đánh giá công tác nghiệp vụ đồng thời đề xuất sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ phù hợp với tình hình thực tế;
- c) Tham gia xây dựng quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan và các văn bản, quy định liên quan;
- d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ của ngành hải quan, tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức hải quan;
- đ) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng đề tài, đề án, dự án được ứng dụng vào công tác của ngành; chủ trì hoặc tham gia tổ chức nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực nghiệp vụ hải quan;
- e) Tham gia phối kết hợp nghiệp vụ với các cơ quan liên quan.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- a) Nắm vững đường lối chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác hải quan; nắm được chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, của ngành Tài chính;
- b) Nắm vững các nguyên tắc, chế độ, quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan và có khả năng tổ chức thực hiện quy trình nghiệp vụ hải quan thuộc lĩnh vực chuyên sâu;
- c) Chủ trì, tổ chức xây dựng hoàn thiện thể chế; chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện; xây dựng các đề án, dự án đối với nghiệp vụ hải quan;
- d) Có khả năng nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất xây dựng, bổ sung, sửa đổi một số quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan;

đ) Hiểu biết về quản lý kinh tế, hành chính, đối ngoại và có kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế;

e) Có kỹ năng thu thập thông tin và xử lý thông tin; có khả năng quản lý và tổ chức điều hành trong lĩnh vực hải quan;

g) Đối với công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên chính hải quan thì phải là người đã chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực hải quan được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

h) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác hải quan. Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên chính hải quan phải có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên hải quan hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm tra viên hải quan tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên chính hải quan;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 17. Kiểm tra viên hải quan (mã số 08.051)

1. Chức trách

Kiểm tra viên hải quan là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành hải quan, trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong các quy chế quản lý, trong các quy trình nghiệp vụ hải quan theo sự phân công của lãnh đạo.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; hành khách, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật;

b) Áp dụng các biện pháp nghiệp vụ theo quy định của pháp luật để điều tra, thu thập, xử lý thông tin đấu tranh phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

c) Đề xuất ý kiến với lãnh đạo giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực hiện quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác hải quan; nắm được chương trình cải cách hành chính của Chính phủ; của ngành Tài chính;

b) Nắm chắc và vận dụng linh hoạt các nguyên tắc, chế độ, quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan và có khả năng nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ hải quan trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

c) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt các kỹ năng cần thiết cho công tác chuyên môn như: kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật được trang bị;

d) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên hải quan phải có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên trung cấp hải quan hoặc tương đương từ đủ 3 năm (36 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm tra viên trung cấp hải quan tối thiểu 1 năm (12 tháng). Trường hợp đang giữ ngạch nhân viên hải quan thì thời gian giữ ngạch nhân viên hải quan hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch nhân viên hải quan tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên hải quan;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 18. Kiểm tra viên trung cấp hải quan (mã số 08.052)

1. Chức trách

Kiểm tra viên trung cấp hải quan là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành hải quan, được lãnh đạo giao trực tiếp thực hiện một số công việc thuộc lĩnh vực nghiệp vụ công tác hải quan.

2. Nhiệm vụ

- a) Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công và chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác hải quan; nắm được các thủ tục hành chính và chương trình cải cách hành chính của Chính phủ và của ngành;

b) Nắm vững quy trình nghiệp vụ hải quan trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

c) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt các kỹ năng cần thiết cho công tác: kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật được trang bị.

d) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên trung cấp hải quan phải đang giữ ngạch nhân viên hải quan và có thời gian giữ ngạch nhân viên hải quan hoặc tương đương từ đủ 3 năm (36 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch nhân viên hải quan tối thiểu 1 năm (12 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên trung cấp hải quan;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 19. Nhân viên hải quan (mã số 08.053)

1. Chức trách

Nhân viên hải quan là công chức trực hành ở các đơn vị hải quan cơ sở và trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ cụ thể thuộc chuyên môn nghiệp vụ hải quan do lãnh đạo phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện việc giám sát hải quan theo quy định của pháp luật trên địa bàn được phân công;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công và chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị.

3. Tiêu chuẩn về năng lực nghiệp vụ, chuyên môn

a) Nắm được các quy trình nghiệp vụ hải quan và quy định liên quan đến nhiệm vụ được giao. Tuyệt đối chấp hành sự chỉ đạo về nghiệp vụ và phân công nhiệm vụ của cấp trên;

b) Có năng lực thực hiện một số lĩnh vực nghiệp vụ hải quan đơn giản được giao;

c) Sử dụng được công cụ hỗ trợ và phương tiện kỹ thuật được trang bị.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hải quan theo quy định của Tổng cục Hải quan và đạt yêu cầu sát hạch nghiệp vụ hải quan;

Chương V

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH DỰ TRỮ QUỐC GIA

Điều 20. Kỹ thuật viên chính bảo quản (mã số 19.220)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn nghiệp vụ ngành dự trữ quốc gia; giúp lãnh đạo chỉ đạo, tổ chức thực hiện pháp luật về quản lý chất lượng, bảo quản hàng dự trữ quốc gia; triển khai kỹ thuật và công nghệ bảo quản mới để bảo đảm an toàn chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong phạm vi quản lý của đơn vị.

2. Nhiệm vụ

a) Căn cứ các quy định chung của Nhà nước, của ngành, lĩnh vực về công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia, tổ chức thực hiện các quy định, quy trình kỹ thuật, quy chế quản lý chất lượng, quản lý công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia; trực tiếp xử lý đối với các trường hợp có yêu cầu kỹ thuật phức tạp;

b) Tổng hợp, đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung, chủ trì hoặc tham gia xây dựng quy trình kỹ thuật, quy chế quản lý, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật hàng dự trữ quốc gia;

c) Tổ chức công tác bảo quản, quản lý chất lượng hàng dự trữ quốc gia trước khi nhập, xuất kho và quá trình hàng hóa lưu kho theo quy định;

d) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, triển khai kỹ thuật và công nghệ bảo quản mới để bảo đảm an toàn chất lượng hàng dự trữ quốc gia;

đ) Hướng dẫn thực hiện công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định chung của Nhà nước;

e) Biên soạn hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ của ngành dự trữ, tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức;

g) Tuyên truyền phổ biến các quy định pháp luật về công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia; tham gia công tác thanh tra, kiểm tra để phát hiện, ngăn chặn và đề nghị xử lý các hành vi vi phạm theo quy định;

h) Hướng dẫn về nghiệp vụ bảo quản đối với công chức chuyên môn ở ngạch dưới thực hiện công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo đúng quy định.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dự trữ quốc gia; nắm được chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, của ngành Tài chính;

b) Nắm vững các nguyên tắc, chế độ, quy trình kỹ thuật, quy chế quản lý chất lượng, quản lý công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu;

c) Chủ trì, tổ chức xây dựng hoàn thiện thể chế; chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện; xây dựng các đề án, dự án trong lĩnh vực dự trữ nhà nước;

d) Tổ chức hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách, các quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực dự trữ nhà nước; tổ chức phối hợp, tổ chức kiểm tra, tổng kết thực thi chính sách trong lĩnh vực dự trữ nhà nước;

đ) Có khả năng nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất xây dựng, bổ sung, sửa đổi một số quy trình kỹ thuật, quy chế quản lý chất lượng, quản lý công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

e) Hiểu biết về quản lý kinh tế, hành chính; nắm được tình hình và xu thế phát triển của ngành dự trữ;

g) Đối với công chức dự thi nâng ngạch kỹ thuật viên chính bảo quản phải là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành, cơ sở trong lĩnh vực dự trữ nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

h) Công chức dự thi nâng ngạch kỹ thuật viên chính bảo quản phải có thời gian giữ ngạch kỹ thuật viên bảo quản hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kỹ thuật viên bảo quản tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học kỹ thuật trở lên với chuyên ngành phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kỹ thuật viên chính bảo quản;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin.

Điều 21. Kỹ thuật viên bảo quản (mã số 19.221)

1. Chức trách

Kỹ thuật viên bảo quản là công chức chuyên môn nghiệp vụ ngành dự trữ; giúp lãnh đạo tổ chức quản lý chất lượng, quản lý công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy định; triển khai các biện pháp kỹ thuật và công nghệ mới để bảo đảm an toàn chất lượng hàng dự trữ quốc gia do đơn vị quản lý.

2. Nhiệm vụ

a) Căn cứ các quy định chung của Nhà nước, của ngành, lĩnh vực về công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia, tổ chức thực hiện các quy định, quy trình kỹ thuật bảo quản hàng dự trữ quốc gia, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia do đơn vị quản lý;

b) Hướng dẫn, kiểm tra công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định chung của Nhà nước;

c) Tổ chức công tác kiểm nghiệm, phân tích, xử lý các số liệu điều tra chọn mẫu, quản lý tiêu chuẩn chất lượng đối với hàng dự trữ quốc gia trước khi nhập, xuất kho và quá trình hàng hóa lưu kho theo quy định;

d) Tham gia nghiên cứu, đề xuất các giải pháp kỹ thuật, công nghệ để không ngừng nâng cao hiệu quả bảo quản hàng dự trữ quốc gia; tham gia xây dựng quy trình kỹ thuật bảo quản;

đ) Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ bảo quản của công chức chuyên môn ở ngạch trên và hướng dẫn nghiệp vụ bảo quản cho công chức chuyên môn ở ngạch dưới thực hiện công tác bảo quản của Chi cục theo đúng quy trình kỹ thuật quy định;

e) Tuyên truyền phổ biến các quy định pháp luật về công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia. Tham gia công tác kiểm tra để phát hiện, ngăn chặn và đề nghị xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững các quy định của pháp luật, chế độ chính sách liên quan đến công tác dự trữ quốc gia;

b) Nắm vững các nguyên tắc, chế độ, quy trình kỹ thuật, quy chế quản lý chất lượng, quản lý công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

c) Có khả năng xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

d) Tổ chức thực hiện được các công việc liên quan đến kiểm nghiệm, phân tích xử lý và quản lý tiêu chuẩn chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong quá trình nhập, xuất và lưu kho theo quy định;

đ) Có khả năng nghiên cứu, đề xuất các giải pháp liên quan đến quy trình, quy phạm và kỹ thuật công nghệ bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

e) Công chức dự thi nâng ngạch kỹ thuật viên bảo quản phải có thời gian giữ ngạch kỹ thuật viên trung cấp bảo quản hoặc tương đương từ đủ 3 năm (36 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kỹ thuật viên trung cấp bảo quản tối thiểu 1 năm (12 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học kỹ thuật trở lên với chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kỹ thuật viên bảo quản;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày

11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 22. Kỹ thuật viên trung cấp bảo quản (mã số 19.222)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn giúp lãnh đạo tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng, bảo quản hàng dự trữ quốc gia theo quy trình kỹ thuật quy định; bảo đảm an toàn chất lượng hàng dự trữ quốc gia do đơn vị trực tiếp quản lý.

2. Nhiệm vụ

a) Hướng dẫn kỹ thuật và nghiệm thu công tác chuẩn bị kho, phương tiện giao nhận, thiết bị kiểm tra, đo lường để phục vụ công tác nhập, xuất hàng hóa dự trữ của Chi cục;

b) Kiểm tra, giám sát chất lượng hàng hóa dự trữ quốc gia trước khi nhập, xuất kho bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật theo quy định; trực tiếp lấy mẫu, phân tích mẫu, lập hồ sơ kỹ thuật báo cáo Dự trữ quốc gia khu vực; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực các chỉ số chất lượng của hàng hóa nhập, xuất kho theo đúng quy định;

c) Trực tiếp kiểm tra, giám sát và hướng dẫn công tác bảo quản và theo dõi chất lượng hàng dự trữ quốc gia trong Chi cục; hướng dẫn việc ghi chép nhật ký bảo quản của các thủ kho; báo cáo, đề xuất phương án xử lý kịp thời các sự cố xảy ra đối với hàng hóa trong quá trình bảo quản;

d) Xác định và chịu trách nhiệm cá nhân về các chỉ số chất lượng trước khi nhập, xuất đối với hàng hóa dự trữ quốc gia được phân công trực tiếp kiểm tra, theo dõi và các trang thiết bị được giao trực tiếp quản lý;

đ) Xác định và chịu trách nhiệm liên đới về chất lượng hàng hóa dự trữ quốc gia do đơn vị quản lý, do thiếu kiểm tra, giám sát hoặc không xử lý kịp thời để xảy ra các sự cố ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng hàng hóa trong kho, gây thiệt hại tài sản Nhà nước;

e) Trong trường hợp nếu không thống nhất được kết quả kiểm tra hoặc nếu phát hiện không đúng theo tiêu chuẩn chất lượng quy định khi kiểm tra chất lượng hàng hóa dự trữ quốc gia nhập, xuất kho phải kịp thời báo cáo ngay với lãnh đạo Chi cục và Dự trữ quốc gia khu vực bằng văn bản để chỉ đạo tạm thời dừng ngay việc nhập, xuất kho lô hàng đó trước khi có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền;

g) Chịu sự hướng dẫn về nghiệp vụ bảo quản của công chức chuyên môn ở ngạch trên và hướng dẫn nghiệp vụ bảo quản đối với thủ kho bảo quản theo đúng quy trình kỹ thuật quy định.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- a) Nắm rõ các quy định, quy trình kỹ thuật liên quan đến nhiệm vụ của kỹ thuật viên trung cấp bảo quản;
- b) Có khả năng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát bảo quản và theo dõi chất lượng hàng dự trữ;
- c) Có khả năng hướng dẫn việc ghi chép nhật ký bảo quản của các thủ kho;
- d) Sử dụng thành thạo các trang thiết bị kỹ thuật được trang bị;
- đ) Có khả năng xử lý một số hiện tượng thường xảy ra trong quá trình bảo quản, ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa.

4. Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- a) Tốt nghiệp trung cấp kỹ thuật trở lên với chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngành kỹ thuật viên trung cấp bảo quản;
- c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 23. Kiểm tra viên chính dự trữ (mã số.....)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành dự trữ quốc gia, giúp lãnh đạo chủ trì, tổ chức thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện nghiệp vụ quản lý dự trữ quốc gia theo chức trách được phân công.

2. Nhiệm vụ

- a) Tham gia với đơn vị xây dựng kế hoạch nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia theo chức năng phân hành công việc; Lập kế hoạch công tác tháng, quý, năm theo nhiệm vụ được giao.
- b) Tổ chức thực hiện các quy định, quy chế, quy trình nghiệp vụ nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia; thẩm định hồ sơ cấp vốn, kinh phí và tổng hợp quyết toán ngân sách chi cho dự trữ quốc gia; trực tiếp xử lý đối với các trường hợp có yêu cầu phức tạp;

c) Tổng hợp, đánh giá công tác quản lý dự trữ quốc gia, đề xuất sửa đổi, bổ sung, quy trình nghiệp vụ, quy chế quản lý, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với tình hình thực tế;

d) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản, quy định có liên quan;

đ) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ của ngành dự trữ quốc gia, tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức dự trữ quốc gia;

e) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng đề tài, đề án, dự án được ứng dụng vào công tác của ngành; chủ trì hoặc tham gia tổ chức nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực nghiệp vụ dự trữ quốc gia;

g) Hướng dẫn về nghiệp vụ quản lý, kiểm tra, thanh tra đối với công chức chuyên môn ở ngạch dưới thực hiện công tác quản lý dự trữ quốc gia theo đúng quy định.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dự trữ quốc gia; nắm được chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, của ngành Tài chính;

b) Chủ trì, tổ chức xây dựng hoàn thiện thể chế, chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện; xây dựng các đề án, dự án trong lĩnh vực dự trữ quốc gia

c) Nắm vững các nguyên tắc, chế độ, quy trình kỹ thuật, quy chế quản lý dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu;

d) Có khả năng nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất xây dựng, bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ dự trữ quốc gia;

đ) Tổ chức hướng dẫn, thực hiện chế độ, chính sách, các quy định về quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực dự trữ quốc gia;

e) Hiểu biết về quản lý kinh tế, hành chính và có kiến thức cơ bản về pháp luật.

g) Đối với công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên chính dự trữ phải là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng (01) đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành, cơ sở trong lĩnh vực dự trữ nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu;

h) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên chính dự trữ phải có thời gian giữ ngạch kiểm tra viên dự trữ hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm tra viên dự trữ tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

- a) Tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên chính dự trữ;
- c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin.

Điều 24. Kiểm tra viên dự trữ (mã số.....)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành dự trữ quốc gia, trực tiếp thực hiện nghiệp vụ quản lý dự trữ quốc gia theo sự phân công của lãnh đạo.

2. Nhiệm vụ

- a) Tham gia xây dựng các quy định cụ thể để triển khai nhiệm vụ quản lý dự trữ quốc gia; xây dựng kế hoạch công tác tháng, quý, năm theo nhiệm vụ được giao;
- b) Phối hợp với các bộ phận có liên quan trong và ngoài đơn vị để thực hiện các quy định, quy chế, quy trình nghiệp vụ quản lý nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, sử dụng hàng dự trữ quốc gia theo đúng quy định của pháp luật; thẩm định hồ sơ cấp vốn, kinh phí và tổng hợp quyết toán ngân sách chi cho dự trữ quốc gia;
- c) Đề xuất cụ thể hóa hoặc sửa đổi, bổ sung, quy trình nghiệp vụ, quy chế quản lý, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với tình hình thực tế;
- d) Thực hiện kiểm tra công việc thuộc phần hành quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật;
- đ) Chấp hành sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của công chức chuyên môn ở ngạch trên;
- e) Quản lý hồ sơ, tài liệu theo quy định của Nhà nước.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hiểu biết nội dung Luật Dự trữ quốc gia, chế độ, quy trình kỹ thuật, quy chế quản lý dự trữ quốc gia có liên quan đến phân công việc được giao;

b) Nắm được những vấn đề cơ bản về chiến lược phát triển, chương trình cải cách hành chính của Chính phủ, của ngành dự trữ quốc gia, các chính sách kinh tế tài chính có liên quan;

c) Hiểu biết về quản lý hành chính và kỹ năng quản lý hành chính nhà nước, giám sát, kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực quản lý dự trữ quốc gia;

d) Có khả năng hướng dẫn hoặc trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ quản lý dự trữ quốc gia; kiểm tra, phát hiện và đề nghị xử lý các vi phạm trong quá trình quản lý dự trữ quốc gia;

đ) Am hiểu thực tiễn, kinh tế-xã hội về công tác quản lý dự trữ quốc gia; nắm được xu hướng phát triển của lĩnh vực dự trữ quốc gia;

e) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm tra viên dự trữ phải có thời gian giữ ngạch cán sự hoặc tương đương từ đủ 3 năm (36 tháng) trở lên. Trường hợp đang giữ ngạch nhân viên hoặc tương đương thì thời gian giữ ngạch nhân viên và tương đương tối thiểu là 5 năm (60 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên dự trữ;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin.

Điều 25. Thủ kho bảo quản (mã số 19.223)

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn nghiệp vụ của ngành dự trữ, trực tiếp thực hiện quy trình, kỹ thuật bảo quản để giữ gìn, bảo quản hàng dự trữ quốc gia; chịu trách nhiệm toàn bộ về số lượng và chất lượng hàng dự trữ quốc gia được giao quản lý.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện công tác chuẩn bị kho và các dụng cụ, phương tiện cần thiết trước khi đưa hàng vào dự trữ theo quy định;

b) Trực tiếp thực hiện việc kiểm tra ban đầu khi giao nhận hàng nhập, xuất kho theo đúng tiêu chuẩn chất lượng; đúng số lượng theo phiếu nhập, xuất và các trình tự, thủ tục quy định;

c) Thực hiện bảo quản thường xuyên, định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật bảo quản. Trong quá trình bảo quản hàng hóa, nếu có sự cố bất thường hoặc phát hiện những hiện tượng phát sinh làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa phải chủ động xử lý, đồng thời báo cáo lãnh đạo Chi cục để có biện pháp giải quyết kịp thời;

d) Nắm vững và có kỹ năng sử dụng thành thạo các thiết bị kỹ thuật, thiết bị đo lường phục vụ cho quá trình giao, nhận, bảo quản hàng dự trữ quốc gia;

đ) Lập hồ sơ chứng từ ban đầu, cập nhật nhật ký theo dõi hàng hóa cho từng kho hoặc ngăn kho hàng;

e) Quản lý theo dõi và chịu trách nhiệm cá nhân về toàn bộ hàng hóa dự trữ, các tài sản, trang thiết bị được đơn vị giao cho trực tiếp quản lý.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nhận biết, kiểm tra và xác định được chủng loại hàng nhập, xuất về tiêu chuẩn, chất lượng, số lượng theo đúng trình tự, thủ tục quy định;

b) Có năng lực thực hiện việc bảo quản thường xuyên, định kỳ đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật bảo quản;

c) Có năng lực lập hồ sơ, ghi chép sổ sách rõ ràng, mạch lạc đối với việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia theo quy định của Nhà nước.

4. Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, đào tạo

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên với chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngành thủ kho bảo quản;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 26. Nhân viên bảo vệ kho dự trữ (mã số 19.224)

1. Chức trách

Là công chức nhà nước có trách nhiệm tuần tra canh gác, bảo vệ trong khu vực kho dự trữ quốc gia và bảo đảm an toàn hàng dự trữ quốc gia theo quy định:

2. Nhiệm vụ

a) Giám sát các hoạt động nhập, xuất hàng hóa; hướng dẫn, kiểm tra người, phương tiện ra vào khu vực kho dự trữ theo quy định (kiểm tra giấy tờ, phiếu xuất, nhập kho và vào sổ theo dõi);

b) Thực hiện công tác tuần tra canh gác trong khu vực kho hàng thuộc phạm vi quản lý trong ca trực theo quy chế bảo vệ của cơ quan; bảo đảm giữ gìn an toàn kho tàng, hàng hóa dự trữ quốc gia;

c) Lập biên bản, tổ chức bảo vệ hiện trường theo quy định khi có vi phạm an toàn, an ninh trật tự trong khu vực kho tàng; báo cáo kịp thời lên cấp trên và các cơ quan chức năng để xử lý;

d) Tham gia xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy, phòng chống lụt bão ở khu vực kho thuộc phạm vi quản lý. Phối, kết hợp với công an khu vực, các cơ quan lân cận, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện các phương án theo quy định;

đ) Giữ gìn bí mật và thực hiện tốt quy chế bảo mật về tài sản, hàng hóa dự trữ quốc gia.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có khả năng thực hiện chức năng giám sát các hoạt động nhập, xuất hàng hóa chính xác theo đúng quy định của cơ quan và Nhà nước;

b) Có năng lực ghi chép vào sổ theo dõi cụ thể, rõ ràng, chính xác người và phương tiện ra vào kho;

c) Biết sử dụng thành thạo các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, phòng, chống bão lụt đã được trang bị.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch nhân viên bảo vệ kho dự trữ;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy.

Chương VI

CHỨC TRÁCH, NHIỆM VỤ VÀ TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH CHỨNG KHOÁN

Điều 27. Giám sát viên cao cấp thị trường chứng khoán (mã số:)

1. Chức trách

Giám sát viên cao cấp thị trường chứng khoán là công chức chuyên môn nghiệp vụ cao nhất của lĩnh vực chứng khoán, làm việc ở các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, có trách nhiệm tham mưu, tổng hợp, hoạch định chính sách về giám sát hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán và trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán ở mức độ phức tạp cao thuộc phạm vi quản lý.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán, đề xuất các biện pháp, giải pháp xử lý đối với các vụ việc có quy mô lớn và tính chất phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội;

c) Tổ chức tổng kết, đánh giá hoạt động nghiệp vụ giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

d) Phối hợp với các tổ chức, đơn vị trong và ngoài ngành để nâng cao hiệu quả giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

đ) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu các đề tài, đề án, công trình nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán cấp bộ, ngành nhằm đổi mới, cải tiến hệ thống cơ chế quản lý, giám sát phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Chủ trì việc tổ chức biên soạn, xây dựng, sửa đổi bổ sung tài liệu, giáo trình nghiệp vụ của lĩnh vực chứng khoán, tổ chức tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kiến thức, kinh nghiệm về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối chủ trương chính sách của Đảng và quy định pháp luật của Nhà nước, các quy định về tài chính, kế toán và các quy định pháp luật về hành chính có liên quan đến nhiệm vụ, chức năng quản lý, giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Nắm vững và am hiểu hệ thống chính trị, hệ thống tổ chức các cơ quan nhà nước, hệ thống các kiến thức quản lý nhà nước về giám sát chứng khoán và thị trường chứng khoán;

c) Nắm vững tình hình và xu thế phát triển của thị trường chứng khoán trong nước và thế giới;

c) Có năng lực đề xuất, tham mưu hoạch định chính sách, chủ trì xây dựng, bổ sung, sửa đổi các dự án luật, pháp lệnh, đề án, chương trình về quản lý, giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

d) Thành thạo và làm chủ các kỹ năng soạn thảo, thuyết trình, bảo vệ và tổ chức thực hiện để xây dựng và triển khai các dự án, đề án, chương trình liên quan đến lĩnh vực quản lý;

đ) Có năng lực phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và đề xuất được các phương pháp để hoàn thiện hoặc giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra thuộc lĩnh vực chứng khoán và giám sát về chứng khoán;

e) Có năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

g) Đối với công chức dự thi nâng ngạch giám sát viên cao cấp thị trường chứng khoán phải là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu xây dựng ít nhất 02 (hai) văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 02 (hai) đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành trong lĩnh vực chứng khoán được cấp có thẩm quyền đánh giá đạt yêu cầu;

h) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý thị trường chứng khoán. Công chức dự thi nâng ngạch giám sát viên cao cấp thị trường chứng khoán phải có thời gian giữ ngạch giám sát viên chính thị trường chứng khoán hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch giám sát viên chính thị trường chứng khoán tối thiểu 2 năm (24 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch giám sát viên cao cấp thị trường chứng khoán;

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 4 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ tối thiểu đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 28. Giám sát viên chính thị trường chứng khoán (mã số:

1. Chức trách

Giám sát viên chính thị trường chứng khoán là công chức chuyên môn nghiệp vụ cao của lĩnh vực chứng khoán làm việc ở các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; có trách nhiệm tham mưu, tổng hợp về công tác giám sát hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán và trực tiếp thực hiện nghiệp vụ giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán ở mức độ phức tạp thuộc phạm vi phân công quản lý.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng quy định, quy chế nghiệp vụ giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản, quy định liên quan;

c) Tổ chức, hướng dẫn thực hiện quy chế, quy trình nghiệp vụ giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán; trực tiếp xử lý đối với các trường hợp có tình tiết phức tạp;

d) Tổng hợp, đánh giá công tác nghiệp vụ đồng thời đề xuất sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ phù hợp với tình hình thực tế, tổng hợp báo cáo lên cấp trên;

đ) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu những đề tài, đề án về công tác quản lý, giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

e) Phối hợp với các bộ phận có liên quan trong và ngoài đơn vị để thực hiện nhiệm vụ giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

g) Biên soạn hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ của lĩnh vực chứng khoán, tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức, viên chức của lĩnh vực chứng khoán;

h) Chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của công chức chuyên môn ở ngạch trên và hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức chuyên môn ở ngạch dưới;

i) Trực tiếp thực thi các nhiệm vụ khác được cấp trên giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và quy định pháp luật của nhà nước; am hiểu hệ thống chính trị, hệ thống tổ chức các cơ quan nhà nước, chế độ công vụ, công chức và các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ quản lý, giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

b) Nắm vững các nguyên tắc, chế độ, quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ quản lý, giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán; hiểu biết sâu sắc về chứng khoán, thị trường chứng khoán;

c) Có khả năng tổ chức thực hiện quy trình nghiệp vụ giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

d) Có khả năng nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất xây dựng, bổ sung, sửa đổi một số quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

đ) Hiểu biết về quản lý kinh tế, hành chính, đối ngoại và có kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam; những thông tin liên quan đến quản lý chứng khoán và thị trường chứng khoán trong khu vực và trên thế giới;

e) Nắm được tình hình và xu thế phát triển của thị trường chứng khoán trong nước và thế giới; tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

g) Đối với công chức dự thi nâng ngạch giám sát viên chính thị trường chứng khoán phải là người chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ban hành; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng ít nhất 01 (một) đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành; hoặc là người chủ trì hoặc tham gia 01 (một) đề tài, đề án cấp cơ sở trong lĩnh vực chứng khoán được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu đánh giá đạt yêu cầu;

h) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý thị trường chứng khoán. Công chức dự thi nâng ngạch giám sát viên chính thị trường chứng khoán phải có thời gian giữ ngạch giám sát viên thị trường chứng khoán hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch giám sát viên thị trường chứng khoán tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch giám sát viên chính thị trường chứng khoán;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ tối thiểu đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 29. Giám sát viên thị trường chứng khoán

1. Chức trách

Giám sát viên thị trường chứng khoán là công chức chuyên môn nghiệp vụ của lĩnh vực chứng khoán, làm việc ở các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; có trách nhiệm tham mưu, tổng hợp và triển khai thực hiện nghiệp vụ giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán với mức độ phức tạp trung bình.

2. Nhiệm vụ

- a) Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch công tác giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- b) Tham gia xây dựng các văn bản quản lý, giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- c) Trực tiếp thực thi thừa hành công vụ, nhiệm vụ nghiên cứu giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu trình cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề cụ thể của công tác giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- d) Phối hợp với các bộ phận có liên quan trong và ngoài đơn vị để thực hiện nhiệm vụ giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán thuộc phạm vi được giao;
- đ) Tổng hợp, phân tích tổng kết, đánh giá hiệu quả và báo cáo nghiệp vụ lên cấp trên; chấp hành sự chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của công chức quản lý chuyên môn ở ngạch trên, lãnh đạo cấp trên;
- e) Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học các cấp về công tác giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán; ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- g) Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp trên giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

- a) Nắm vững các quy định của pháp luật của Nhà nước, ngành về công tác giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ được giao;
- b) Hiểu rõ mục tiêu và đối tượng quản lý, hệ thống các nguyên tắc và cơ chế giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán thuộc phạm vi được giao;
- c) Có khả năng nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung, sửa đổi quy trình nghiệp vụ giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong phạm vi nhiệm vụ được giao; có khả năng độc lập tổ chức làm việc hoặc phối hợp theo nhóm; có năng lực triển khai công việc đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả;
- d) Nắm vững các quy định về tài chính, kế toán và các quy định pháp luật về hành chính có liên quan đến nhiệm vụ, chức năng quản lý, giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

d) Có kỹ năng soạn thảo văn bản; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và kiểm tra công việc được giao.

e) Có thời gian làm công tác giám sát về chứng khoán và thị trường chứng khoán từ đủ 2 năm trở lên (không tính thời gian tập sự).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch giám sát viên thị trường chứng khoán;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ tối thiểu đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các công chức đang giữ ngạch cao đẳng theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BNV ngày 11/9/2010 của Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ tiếp tục được xếp lương theo ngạch hiện hưởng cho đến khi xếp ngạch mới theo quy định tại khoản 3 Điều này gồm:

a) Kế toán viên cao đẳng	Mã số ngạch:	06a.031
b) Kiểm tra viên cao đẳng thuế	Mã số ngạch:	06a.038
c) Kiểm tra viên cao đẳng hải quan	Mã số ngạch:	08a.051

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm xây dựng đề án và tổ chức thực hiện thi nâng ngạch từ ngạch kế toán viên cao đẳng, kiểm tra viên cao đẳng thuế, kiểm tra viên cao đẳng hải quan lên ngạch kế toán viên, kiểm tra viên thuế, kiểm tra viên hải quan đối với các trường hợp đáp ứng các tiêu chuẩn của ngạch kế toán viên, kiểm tra viên thuế, kiểm tra viên hải quan và có thời gian giữ ngạch cao đẳng đủ từ 02 năm trở lên (24 tháng).

3. Việc bổ nhiệm từ các ngạch cao đẳng lên ngạch kế toán viên, kiểm tra viên thuế, kiểm tra viên hải quan đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này phải được hoàn thiện trước ngày 01/01/2020.

Sau ngày 01/01/2020, các công chức đang giữ các ngạch cao đẳng theo quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn chưa được bổ nhiệm vào các ngạch kế toán viên, kiểm tra viên thuế, kiểm tra viên hải quan sẽ thực hiện xếp vào ngạch trung cấp tương ứng.

4. Thực hiện chuyển ngạch phù hợp đối với công chức chuyên ngành hành chính hiện đang làm công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát lĩnh vực dự trữ nhà nước, giám sát chứng khoán và thị trường chứng khoán sang ngạch công chức chuyên ngành dự trữ, ngạch công chức chuyên ngành chứng khoán theo phân cấp kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

Tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ, chứng khoán là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ, chứng khoán.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2016.

2. Thông tư số 09/2010/TT-BNV ngày 11/9/2010 của Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

BỘ TRƯỞNG